

CÔNG BÁO

NUỚC

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

MỤC LỤC

Các văn bản đã ban hành

PHỦ CHỦ TỊCH

Trang

- 14-12-1959.— Sắc lệnh số 051-SL bãi bỏ điều 5 và điều 6 sắc lệnh số 53-SL ngày 20-10-1945 và sắc lệnh số 25-SL ngày 25-2-1946 quy định về quốc tịch Việt nam. 833

PHỦ THỦ TƯƯNG

- 12-12-1959.— Thông tư số 4435-HC về việc khen thưởng, biểu dương thành tích thi đua thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1959. 834

- 22-12-1959.— Chỉ thị số 459-TTg về việc dùng máy bơm tưới ruộng. 835

- 29-12-1959.— Chỉ thị số 470-TTg về việc sử dụng và quản lý xe ô tô con ở các đoàn thể và các cơ quan Nhà nước. 837

LIÊN BỘ

NÔNG LÂM — LAO ĐỘNG — NỘI THƯƠNG

- 12-12-1959.— Thông tư số 6-TT/LB về việc điều hòa và tăng cường nhân lực bảo đảm kế hoạch sản xuất lâm nghiệp. 838

Các văn bản đã ban hành

PHỦ CHỦ TỊCH

SẮC LỆNH số 051-SL ngày 14-12-1959
bãi bỏ điều 5 và điều 6 sắc lệnh số
53-SL ngày 20-10-1945 và sắc lệnh
số 25-SL ngày 25-2-1946 quy định
về quốc tịch Việt nam.

CHỦ TỊCH NUỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Căn cứ sắc lệnh số 53-SL ngày 20-10-1945 quy định về
quốc tịch Việt nam;

NGOẠI THƯƠNG — TÀI CHÍNH

- 19-12-1959.— Thông tư số 16-LB quy định thể lệ
xuất nhập khẩu mẫu hàng và vật
phẩm quảng cáo

Trang

840

CÁC BỘ

BỘ GIÁO DỤC

- 24-12-1959.— Nghị định số 821-NĐ thành lập tòa
báo « Người giáo viên nhân dân » thay
cho tòa soạn báo « Giáo dục nhân
dân »

841

NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT-NAM

- 16-12-1959.— Thông tư số 481-PH/KV bổ sung một
số điểm chính về việc xử lý các vụ
thiểu, mâu thuẫn

842

- 17-12-1959.— Nghị định số 205-VP/NĐ cải tiến
một số điểm cụ thể trong các thể thức
gửi tiền tiết kiệm đã ban hành do
nghị định số 77-NgĐ/NH ngày 18-3-
1958 và số 87-VP/NgĐ ngày 28-7-1959

843

- Thể lệ gửi tiền vào quỹ tiết kiệm xã
hội chủ nghĩa

844

- 23-12-1959.— Nghị định số 206-VP/NgĐ ban hành
thể lệ cho vay đối với Hợp tác xã sản
xuất nông nghiệp

845

- Thể lệ tạm thời cho vay đối với các
Hợp tác xã nông nghiệp

846

- 24-12-1959.— Nghị định số 207-VP/NgĐ thành lập
các Chi Kho phát hành thuộc Hải
phòng và Hà đông

847

Căn cứ sắc lệnh số 25-SL ngày 25-2-1946 sửa đổi điều 5
và điều 6 sắc lệnh trên;

Căn cứ đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ và ông
Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

RA SẮC LỆNH:

Điều 1.— Nay bãi bỏ điều 5 và điều 6 sắc lệnh
số 53-SL ngày 20 tháng 10 năm 1945 và sắc lệnh
số 25-SL ngày 25 tháng 2 năm 1946.

848

Điều 2.— Những phụ nữ Việt nam lấy chồng có
quốc tịch nước ngoài trước ngày ban hành sắc
lệnh này vẫn giữ quốc tịch Việt nam. Người nào
muốn theo quốc tịch của người chồng thì trong
thời hạn 6 tháng kể từ ngày ban hành sắc lệnh

849

850

851

852

853

854

855

856

857

858

859

860

861

862

863

864

865

866

867

868

869

870

871

872

873

874

875

876

877

878

879

880

881

882

883

884

885

886

887

888

889

890

891

892

893

894

895

896

897

898

899

900

901

902

903

904

905

906

907

908

909

910

911

912

913

914

915

916

917

918

919

920

921

922

923

924

925

926

927

928

929

930

931

932

933

934

935

936

937

938

939

940

941

942

943

944

945

946

947

948

949

950

951

952

953

954

955

956

957

958

959

960

961

962

963

964

965

966

967

968

969

970

971

972

973

974

975

976

977

978

979

980

981

982

983

984

985

986

987

988

989

990

991

992

993

994

995

996

997

998

999

1000

1001

1002

1003

1004

1005

1006

1007

1008

1009

1010

1011

1012

1013

1014

1015

1016

1017

1018

1019

1020

1021

1022

1023

1024

1025

1026

1027

1028

1029

1030

1031

1032

1033

1034

1035

1036

1037

1038

1039

1040

1041

1042

1043

1044

1045

1046

1047

1048

1049

1050

1051

1052

1053

1054

1055

1056

1057

1058

1059

1060

1061

1062

1063

1064

1065

1066

1067

1068

1069

1070

1071

1072

1073

1074

1075

1076

1077

1078

1079

1080

1081

1082

1083

1084

1085

1086

1087

1088</

này phải xin bỏ quốc tịch Việt Nam và phải được Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa cho phép.

Điều 3. — Ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ và ông Bộ trưởng Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm thi hành sắc lệnh này.

Hà Nội ngày 14 tháng 12 năm 1959

Chủ tịch

nước Việt Nam dân chủ cộng hòa

HỒ CHÍ MINH

Tiếp ký:

Bộ trưởng Bộ Nội vụ
PHAN KẾ TOẠI

Bộ trưởng Bộ Tư pháp
VŨ ĐÌNH HÒE

PHỦ THỦ TƯỚNG

THÔNG TƯ số 4435-HC ngày 12-12-1959 về việc khen thưởng, biểu dương thành tích thi đua thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1959.

Nhìn chung năm 1959, mọi mặt công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế và phát triển văn hóa đều có những tiến bộ vượt bậc. Nhất là về mấy tháng cuối năm, toàn dân, toàn Đảng và toàn thể các cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, hợp tác xã v.v..., hướng về dịp kỷ niệm 30 năm thành lập Đảng, — đã sôi nổi thi đua để hoàn thành kế hoạch nhà nước 1959 và đã có những đơn vị hoàn thành kế hoạch trước hạn định. Đó là những thành tích to lớn của công nhân, nông dân, cán bộ và các tầng lớp nhân dân mà Chính phủ cần biểu dương kịp thời.

Kết hợp với việc kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước và tổng kết phong trào thi đua năm 1959, các ngành, các địa phương cần tiến hành việc xét thành tích và khen thưởng đê kịp thời động viên phong trào thi đua năm 1960. Đối với những đơn vị và cá nhân đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc, thì đề nghị Chính phủ khen thưởng, theo hướng sau đây:

I. Hướng khen thưởng thành tích năm 1959.

Nói chung, hướng khen thưởng cho đơn vị, cá nhân đều nhằm những thành tích thực hiện nhiệm vụ trung tâm của từng ngành, từng địa phương trong các khu vực kinh tế, văn hóa và sự nghiệp, như:

1. Về công nghiệp:

— Phải kết hợp chặt chẽ việc xét thành tích cải tiến quản lý xí nghiệp với thành tích tăng năng

suất, hạ giá thành, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm lao động an toàn, giữ gìn thiết bị, máy móc, tiết kiệm nguyên vật liệu, cải tiến kỹ thuật, phát huy sáng kiến, phát minh, hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước.

— Cần chú ý biểu dương khen thưởng những thành tích công tác cải tạo công nghiệp tư bản tư doanh và những thành tích tăng năng suất, hạ giá thành, cải thiện đời sống công nhân của các xí nghiệp công tư hợp doanh nhằm đề cao vai trò công nhân làm chủ xí nghiệp.

2. Về nông nghiệp:

— Phải kết hợp chặt chẽ thành tích của phong trào hợp tác hóa, cải tiến kỹ thuật, công tác thủy lợi với thành tích tăng năng suất, bảo đảm thực hiện kế hoạch toàn diện và thành tích chấp hành các chính sách thu thuế, thu mua, thu nợ ở địa phương.

— Cần chú ý biểu dương khen thưởng những hợp tác xã đã khắc phục khó khăn, đạt nhiều thành tích tăng năng suất, nâng cao thu nhập xã viên, quản lý tốt (so sánh trong địa phương) và chấp hành các chính sách được tốt, nhưng không quên các tổ đội công.

3. Về xây dựng cơ bản:

Việc khen thưởng các công trường phải kết hợp thành tích công tác cải tiến quản lý công trường với thành tích thực hiện kế hoạch, đảm bảo chất lượng, an toàn lao động và thực hiện tiết kiệm về các mặt như nhân lực, nguyên liệu, vật liệu, máy móc, dụng cụ v.v...

4. Về thương nghiệp:

— Phải kết hợp chặt chẽ việc xét thành tích công tác thu mua với thành tích cung cấp lương thực thực phẩm, hàng hóa tiêu dùng, đồng thời kịp thời cung cấp nguyên liệu, vật liệu, nông cụ, phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp v.v... và việc bảo quản kho tàng, chống tham ô lãng phí được tốt.

— Cần chú ý biểu dương khen thưởng thành tích công tác cải tạo thương nghiệp tư bản tư doanh và xây dựng hợp tác xã thủ công nghiệp, cho cán bộ nhân viên tích cực làm tròn nhiệm vụ.

5. Về vận tải:

— Cần kết hợp xét thành tích vượt kế hoạch vận tải, kịp thời và thành tích bảo quản phương tiện tốt, thực hiện tiết kiệm.

6. Về văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học kỹ thuật:

— Cần biểu dương khen thưởng đối với những thành tích công tác nghiên cứu, phổ biến, tuyên truyền về khoa học kỹ thuật.

1935741

+84-3845 6684 * www.ThuVietNam.com

LawSoft *